

Bài giảng Kinh tế công cộng

Th.s. Đặng Thị Lệ Xuân
**Khoa Kế hoạch và Phát
triển**

Đại học Kinh tế Quốc dân



Chương V

Lựa chọn công cộng

Chương V

Lựa chọn công cộng

1. Lợi ích của lựa chọn công cộng.
2. Lựa chọn công cộng trong cơ chế biểu quyết trực tiếp.
3. Lựa chọn công cộng trong cơ chế biểu quyết đại diện.

1. Lợi ích của lựa chọn công cộng.

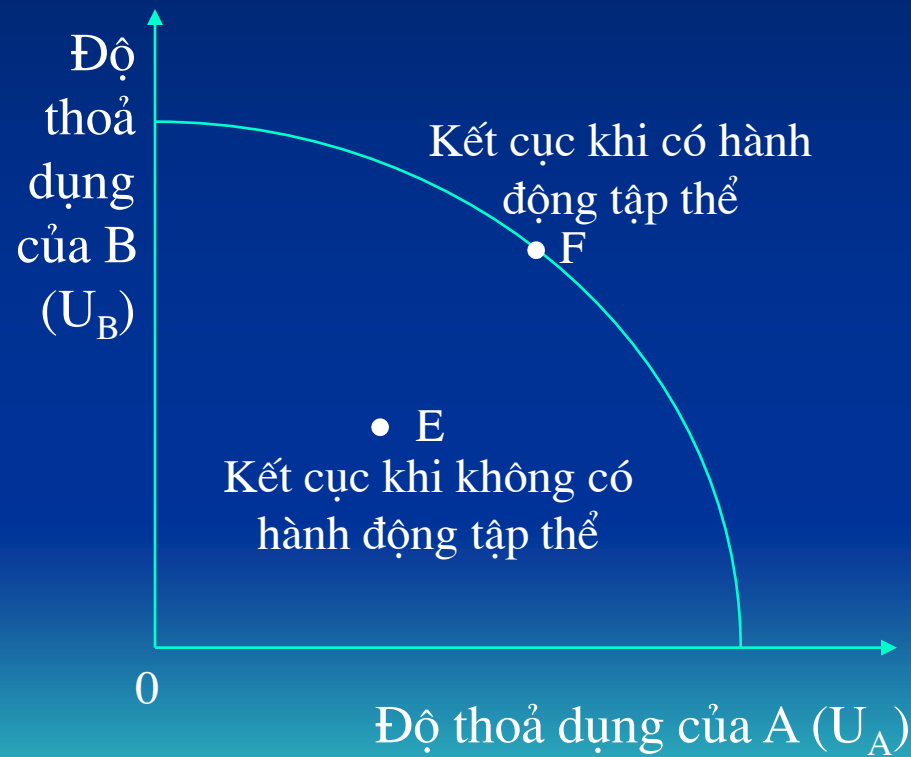
1.1. Khái niệm lựa chọn công cộng

1.2. Lợi ích của lựa chọn công cộng

1.1. Khái niệm lựa chọn công cộng

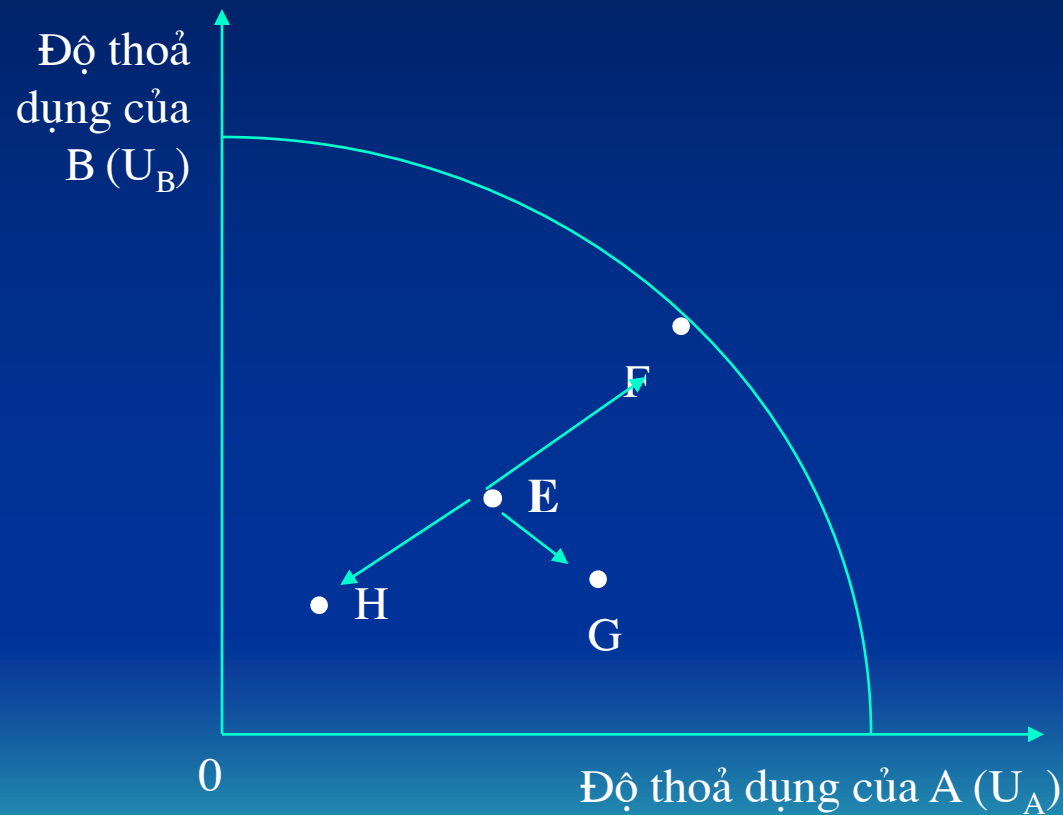
- **Khái niệm:** *Lựa chọn công cộng là một quá trình mà trong đó ý muốn của các cá nhân đ- ợc kết hợp lại trong một quyết định tập thể.*
- **Đặc điểm của LCCC:**
Quyết định của cá nhân đ- ợc kết hợp trong một quyết định tập thể .
- Quyết định tập thể mang tính chất c- ỡng chế, bắt buộc mọi ng- ời phải tuân thủ.

1.2. Lợi ích của lựa chọn công cộng



Hình 5.1: Lợi ích của hành động tập thể

1.2. Lợi ích của lựa chọn công cộng



Hình 5.2: Các kết cục có thể xảy ra khi có hành động tập thể

2. LCCC trong cơ chế biểu quyết trực tiếp.

2.1 Các nguyên tắc lựa chọn công cộng

2.2 Các phiên bản của nguyên tắc biểu quyết theo đa số

2.3 Định lý Bất khả thi của Arrow

2.1 Các nguyên tắc lựa chọn công cộng

2.1.1 Nguyên tắc nhất trí tuyệt đối

2.1.2 Nguyên tắc biểu quyết theo đa số tương đối.

2.1.3 Nguyên tắc biểu quyết theo đa số tuyệt đối

2.1.1 Nguyên tắc nhất trí tuyệt đối

- a. Nội dung của nguyên tắc.
- b. Mô tả - mô hình Lindahl
- c. Tính khả thi của mô hình Lindahl

a. Nội dung của nguyên tắc.

Nguyên tắc nhất trí tuyệt đối là một nguyên tắc quy định: một quyết định chỉ đ- ợc thông qua khi và chỉ khi có sự thống nhất (đồng ý) của tất cả các thành viên trong một cộng đồng nào đó

b. Mô tả - mô hình Lindahl

- Bối cảnh nghiên cứu
- Mô tả
- Phân tích

Bối cảnh nghiên cứu

Có 2 cá nhân A và B cùng tiêu dùng một hàng hóa công cộng là giáo dục tiểu học.

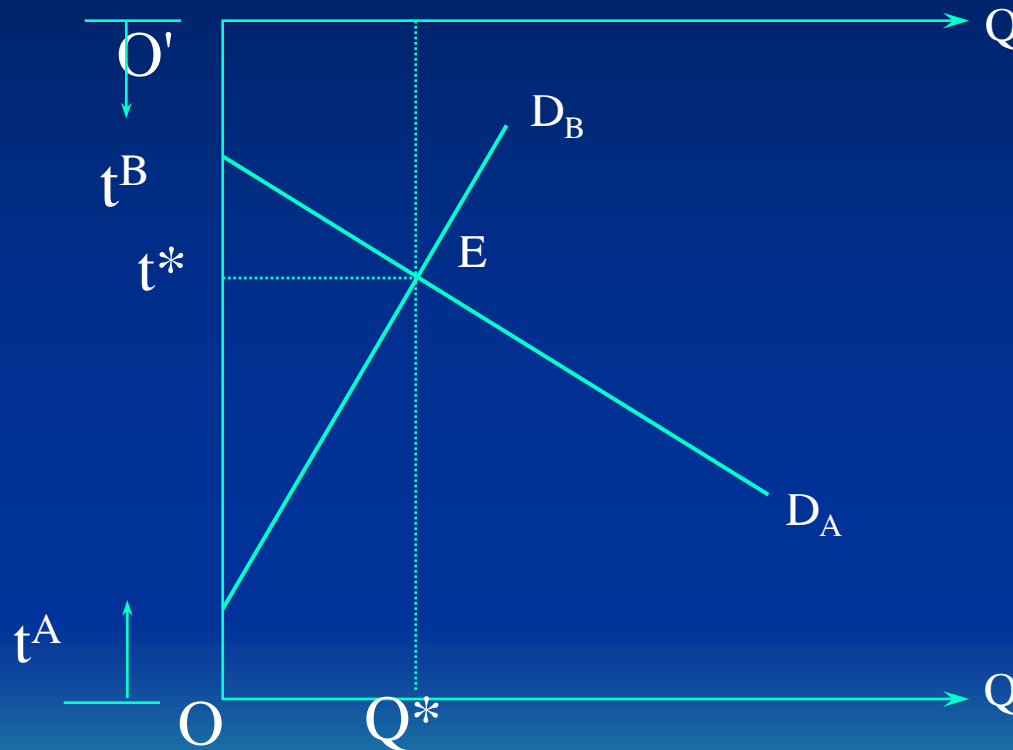
Gọi t^A là giá thuế mà ng- ời A phải trả cho giáo dục tiểu học

t^B là giá thuế của ng- ời B phải trả. Vì chỉ có 2 ng- ời tiêu dùng giáo dục nên $t^A + t^B = 1$.

Mô tả

Giá thuế

L- ợng dịch vụ giáo dục
tiểu học



L- ợng dịch vụ giáo dục
tiểu học

Hình 5.3: Mô hình Lindahl

Giải thích

Trục hoành thể hiện số lượng dịch vụ giáo dục tiểu học, trục tung OO' mô tả giá thuê cho mỗi đơn vị dịch vụ giáo dục tiểu học.

Giá thuê của người A (t^A) được tính từ gốc tọa độ O và giá thuê của người B (t^B) được tính từ gốc O' .

Đường D_A biểu thị đường cầu của người A
Đường D_B biểu thị đường cầu của người B.

Phân tích

- nếu t^A khác t^* (hay t- ơng ứng là t^B khác $1-t^*$) thì chưa có một sự nhất trí chung về lượng dịch vụ được cung cấp.
- nếu $t^A = t^*$ (hay t- ơng ứng là $t^B = 1-t^*$) thì có một sự nhất trí chung về lượng dịch vụ được cung cấp là Q^* .

C. Hình thức của mô hình Lindahl

- Cân bằng Lindahl không thể đạt được nếu có người không trung thực.
- ☐ Có thể phải mất nhiều thời gian để lựa chọn cặp giá thuế được tất cả mọi người đồng ý, do đó chi phí quyết định thường là cao, ít hiệu quả.
- ☐ Dễ dẫn tới kết cục dẫm chân tại chỗ

2.1.2 Nguyên tắc biểu quyết theo đa số tương đối.

- a. Nội dung của nguyên tắc
- b. Hạn chế của nguyên tắc
- c. Cử tri trung gian và định lý cử tri trung gian

a. Nội dung của nguyên tắc

- Nguyên tắc
- Bối cảnh nghiên cứu
- Mô tả.
- Phân tích

Nguyên tắc

- *Nguyên tắc biểu quyết theo đa số là một nguyên tắc quy định: một vấn đề chỉ đ- ợc thông qua khi và chỉ khi có hơn một nửa số ng- ời bỏ phiếu cùng nhất trí*

Bối cảnh nghiên cứu

- Một cộng đồng có 3 cử tri (cử tri 1, cử tri 2, cử tri 3) và họ phải lựa chọn 3 mức chi tiêu cho quốc phòng
- A là mức chi tiêu ít nhất, B là mức chi tiêu trung bình, C là mức chi tiêu lớn nhất.
- Giả định rằng, dù mức chi tiêu nào được lựa chọn thì chi phí của nó cũng sẽ được chia đều cho các cá nhân.

Mô tả

Lựa chọn	Cử tri 1	Cử tri 2	Cử tri 3
Ưu tiên 1	A	C	B
Ưu tiên 2	B	B	C
Ưu tiên 3	C	A	A

Phân tích

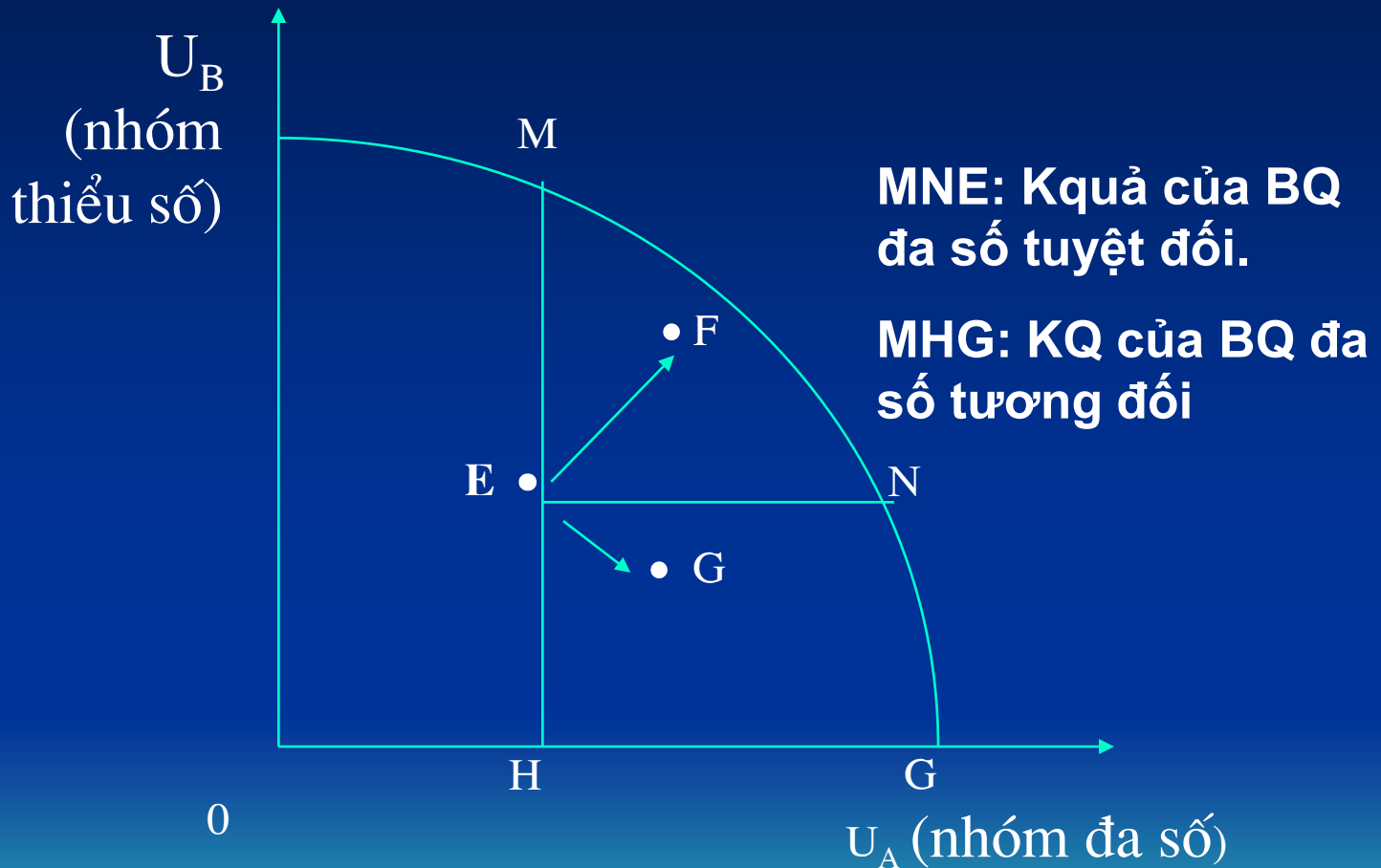
- A vs B: B thắng
- B vs C: B thắng
- Kết luận: B thắng (được lựa chọn)

b. Hạn chế của nguyên tắc biểu quyết theo đa số

b1 : Sự áp chế của đa số

**b2. Hiện tượng quay vòng trong biểu
quyết**

b1 : Sự áp chế của đa số:



Hình 5.4: Miền lựa chọn của biểu quyết theo đa số

b2. Hiện tượng quay vòng trong biểu quyết

- Mô tả
- Nguyên nhân của hiện tượng quay vòng
- Kết luận

Mô tả

Lựa chọn	Cử tri 1	Cử tri 2	Cử tri 3
Ưu tiên 1	A	C	B
Ưu tiên 2	B	A	C
Ưu tiên 3	C	B	A

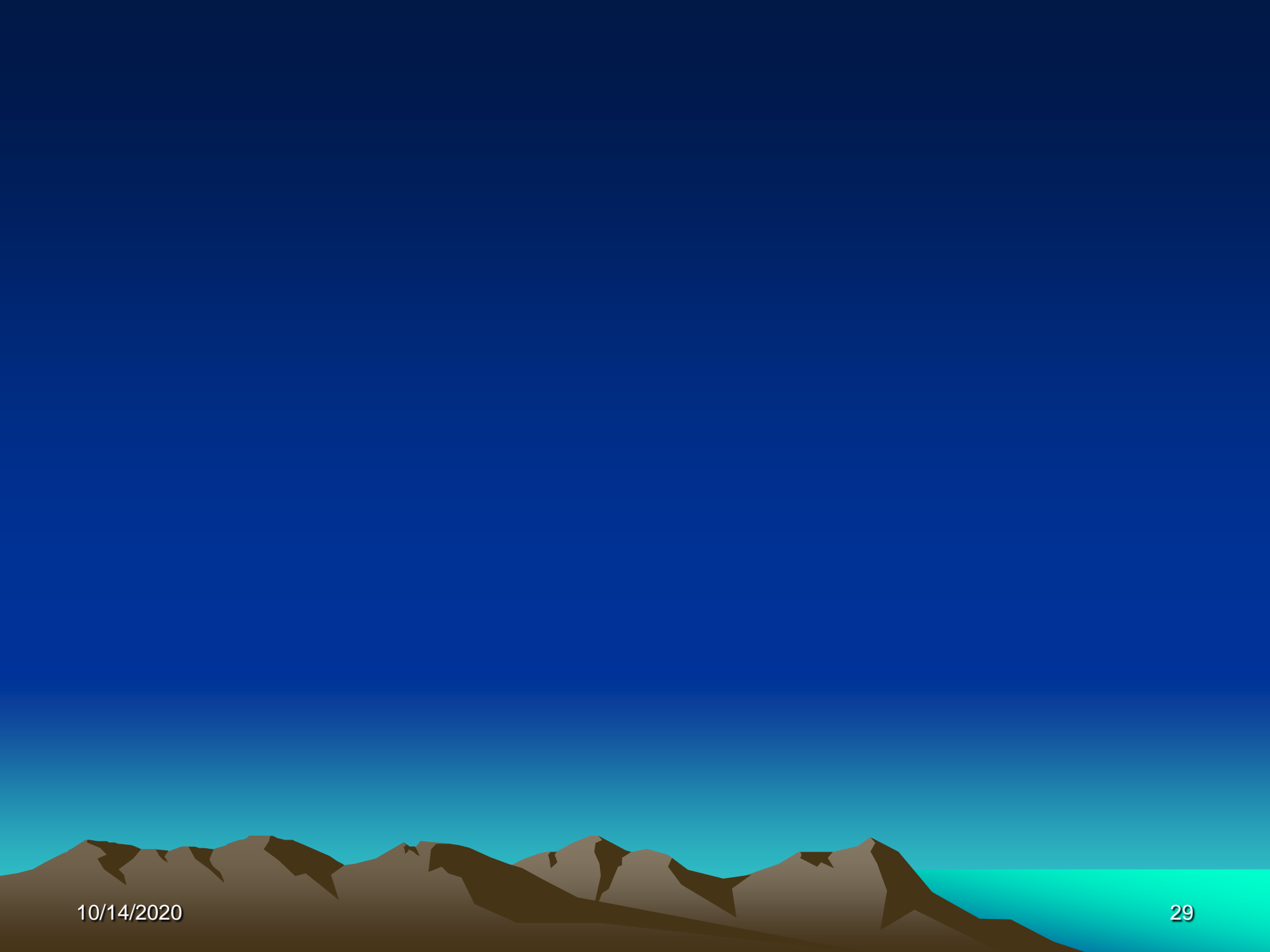
A vs. B thì A thắng, B vs. C thì B thắng, theo logic, có thể kết luận A thắng C.

Nhưng nếu cho A đấu với C thì C thắng:
Nghịch lý

Nguyên nhân của hiện tượng quay vòng

Khái niệm có liên quan:

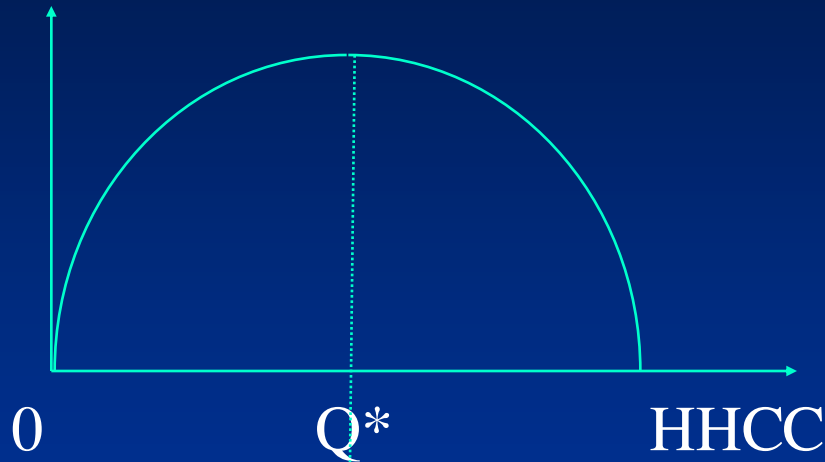
- **Đỉnh** trong sự lựa chọn của cá nhân là điểm mà tất cả các điểm lựa chọn khác ở xung quanh đều thấp hơn nó.
- **Lựa chọn đơn đỉnh** là lựa chọn chỉ có một điểm - u tiên nhất, mà rời điểm - u tiên nhất theo bất kỳ h-ớng nào thì lợi ích của cá nhân đều giảm xuống.
- **Lựa chọn đa đỉnh** là sự lựa chọn nếu nh- rời khỏi điểm - u tiên nhất thì lợi ích của cá nhân lúc đầu giảm, sau đó lại tăng lên nếu vẫn di chuyển theo cùng một h-ớng.



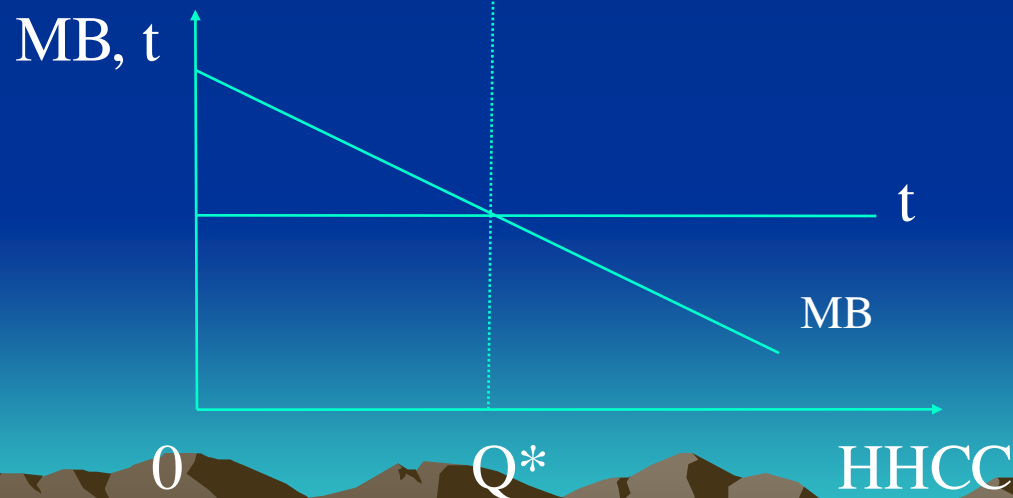
Kết luận sơ bộ

Lợi ích
ròng

Phần (a)



Phần (b)



• Sự lựa chọn của cử tri 2 không theo quy luật chung về lợi ích biên giảm dần.

Hình 5.6: Quy luật lợi ích biên giảm dần đảm bảo sự lựa chọn là đơn đỉnh

Kết luận

- Sự lựa chọn đa đỉnh của cử tri 2 là nguyên nhân dẫn đến hiện tượng quay vòng trong biểu quyết.
- Nếu tất cả các cử tri đều có lựa chọn đơn đỉnh thì nguyên tắc biểu quyết theo đa số sẽ đạt đ-ợc cân bằng biểu quyết và sẽ không có nghịch lý biểu quyết.

c. Cử tri trung gian và định lý cử tri trung gian

- Khái niệm cử tri trung gian.
- Định lý cử tri trung gian.
- Minh họa định lý.
- Tính thực tiễn của định lý

Khái niệm cử tri trung gian.

- *Cử tri trung gian là người có sự lựa chọn giữa tập hợp các lựa chọn của tất cả các cử tri, tức là một nửa số cử tri - a thích mức chi tiêu thấp hơn và một nửa số cử tri còn lại - a thích mức chi tiêu nhiều hơn anh ta*

Định lý cử tri trung gian.

- *Định lý cử tri trung gian: nếu tất cả các cử tri đều có lựa chọn đơn đỉnh thì kết quả biểu quyết theo đa số phản ánh đúng sự lựa chọn của cử tri trung gian.*

Minh họa định lý.

Biểu 5.3. Lựa chọn về mức chi tiêu cho buổi liên hoan

Cử tri	A	B	C	D	E
Mức chi tiêu (nghìn đồng)	100	200	500	600	800

Kết luận

- C là cử tri trung gian và sự lựa chọn của C cũng chính là sự lựa chọn của cả nhóm

Tính thực tiễn của định lý

- Sự lựa chọn của cử tri trung gian có thực sự hiệu quả?

2.1.3 Nguyên tắc biểu quyết theo đa số tuyệt đối

- *Nguyên tắc biểu quyết theo đa số tuyệt đối yêu cầu: một vấn đề chỉ đ- ợc thông qua khi và chỉ khi đ- ợc sự nhất trí của nhiều hơn mức đa số t- ơng đối, chẳng hạn phải đạt đ- ợc hai phần ba số phiếu thuận.*

2.2 Các phiên bản của nguyên tắc biểu quyết theo đa số

2.2.1. Biểu quyết cùng lúc

2.2.2. Biểu quyết cho điểm.

2.2.3. Liên minh trong biểu quyết theo đa số

2.2.1. Biểu quyết cùng lúc

- a. Trình tự tiến hành.
- b. Ví dụ minh họa
- c. Ưu nhược điểm của nguyên tắc

a. Trình tự tiến hành.

- *Biểu quyết* nhiều ph- ơng án *cùng lúc*.
- Mỗi cử tri sẽ xếp hạng các ph- ơng án theo thứ tự - u tiên.(ph- ơng án nào đ- ọc cử tri - a thích nhất sẽ đ- ọc xếp vị trí thứ 1, còn ph- ơng án nào kém hấp dẫn nhất thì xếp vị trí cuối cùng.
- Cộng các con số xếp hạng đó của các cử tri.
- Ph- ơng án nào có con số tổng nhỏ nhất sẽ là ph- ơng án đ- ọc chọn.

b. Ví dụ minh họa

Biểu 5.4: Kết quả cho điểm theo nguyên tắc biểu quyết cùng lúc

Lựa chọn	Cử tri X	Cử tri Y	Cử tri Z	Tổng điểm
A	1	3	3	7
B	2	2	1	5
C	Kết luận: B thắng 2			6

c. Ưu nhược điểm của nguyên tắc

- Ưu điểm: Khắc phục được hiện tượng quay vòng trong biểu quyết
- Nhược điểm: Không cho phép các cá nhân phản ánh mức độ ưa thích của mình đối với các phương án

2.2.2. Biểu quyết cho điểm.

- a. Trình tự tiến hành.
- b. Ví dụ minh họa
- c. Ưu nhược điểm của nguyên tắc

a. Trình tự tiến hành.

- Mỗi cá nhân có một số điểm nhất định.
- Các cá nhân có thể phân phối điểm giữa các phương án khác nhau tùy ý thích.
- Cộng điểm mà các cá nhân phân phối cho các phương án.
- Phương án nào có số điểm lớn nhất là phương án được lựa chọn.

b. Ví dụ minh họa

Lựa chọn	Cử tri X	Cử tri Y	Cử tri Z	Tổng điểm
A	5	1	1	7
B	3	3	5	11
C	2	6	4	12 Thắng cử

So sánh hai phương án

Lựa chọn	Cử tri X		Cử tri Y		Cử tri Z		Tổng	Tổng
	C lúc	Cho điểm	C lúc	Cho điểm	C lúc	Cho điểm	C lúc	Cho điểm
A	1	5	3	1	3	1	7	7
B	2	3	2	3	1	5	5	11
C	3	2	1	6	2	4	6	12

c. Ưu nhược điểm của nguyên tắc

- Ưu điểm: Cho phép các cá nhân phản ánh mức độ ưa thích của mình đối với các phương án.
- Nhược điểm; Cử tri có thể sử dụng chiến lược trong biểu quyết bóp méo kết quả bầu cử

Sử dụng chiến lược trong biểu quyết

Lựa chọn	Cử tri X		Cử tri Y		Cử tri Z		Tổng	Tổng
	C lúc	Cho điểm	C lúc	Cho điểm	C lúc	Cho điểm	C lúc	Cho điểm
A	1	10	3	1	3	1	7	12
B	2	0	2	3	1	5	5	8
C	3	0	1	6	2	4	6	10

2.2.3. Liên minh trong biểu quyết theo đa số

a. Khái niệm

b. Quan điểm: *Liên minh bầu cử làm tăng phúc lợi xã hội*

c. Quan điểm: *Liên minh bầu cử làm giảm phúc lợi xã hội*

a. Khái niệm

- *Liên minh là một hệ thống cho phép các cá nhân đ- ợc trao đổi phiếu bầu với nhau và do đó có thể bộc lộ đ- ợc mức độ quan tâm khác nhau của cá nhân đối với từng vấn đề đ- ợc biểu quyết.*

b. Liên minh bầu cử làm tăng phúc lợi xã hội

- Bối cảnh nghiên cứu:

Một cộng đồng đang xem xét ba dự án xây dựng bệnh viện, trường học hay thư viện.

Cộng đồng này có ba cử tri X, Y và Z.

Lợi ích của các cử tri từ mỗi dự án được phản ánh trong Biểu 5.5

Mỗi cử tri được quyền cho điểm tự do từng phương án mà không bị giới hạn bởi tổng số điểm được phép.

Mô tả

Dự án	Cử tri			Tổng lợi ích ròng
	X	Y	Z	
Bệnh viện	200	- 50	-55	95
Trường học	-40	150	-30	80
Thư viện	-120	-60	400	220

Phân tích

- Nếu không liên minh thì có phương án nào được thông qua không?
- Có liên minh thì ai liên minh với ai? kết quả ra sao?
- Không/có liên minh thì ảnh hưởng tới FLXH như thế nào?

C. Liên minh bầu cử làm giảm phúc lợi xã hội

- Xét trường hợp sự ưa thích của các cá nhân thay đổi

Dự án	Cử tri			Tổng lợi ích ròng
	X	Y	Z	
Bệnh viện	200	- 110	-105	-15
Trường học	-40	150	-120	-10
Thư viện	-270	-140	400	-10

Phân tích

- Nếu không liên minh thì có phương án nào được thông qua không?
- Có liên minh thì ai liên minh với ai? kết quả ra sao?
- Không/có liên minh thì ảnh hưởng tới FLXH như thế nào?

2.3 Định lý Bất khả thi của Arrow

Đặt vấn đề:

- Tất cả các phương án bầu phiếu chúng ta xét đều có nhược điểm riêng.
- Liệu có thể tìm được một cơ chế bầu phiếu nào mà đảm bảo công bằng và hiệu quả?

2.3 Định lý Bất khả thi của Arrow

- **Nội dung định lý**

1. Nguyên tắc ra quyết định tập thể đó phải có tính chất bắc cầu.
2. Nguyên tắc ra quyết định phải theo đúng sự lựa chọn của các cá nhân.

Nội dung định lý

3. Nguyên tắc ra quyết định phải đảm bảo tính khách quan, (luôn lựa chọn thứ tự các phương án nhau nếu được áp dụng vào một tập hợp các phương án nhau) .
4. Không cho phép tồn tại sự độc tài.

2.3 Định lý Bất khả thi của Arrow

Ý nghĩa của định lý:

- Ai có khả năng kiểm soát lịch trình bỏ phiếu sẽ thao túng sự lựa chọn của xã hội.
- Các bên yếu thế có thể tạo ra sự quay vòng để tránh kết cục không có lợi cho mình

CHƯƠNG SÁU

CÁC CÔNG CỤ CHÍNH SÁCH CAN THIỆP CHỦ YẾU CỦA CHÍNH PHỦ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

Chương sáu

1. Nhóm qui định pháp lý
2. Nhóm cơ chế thúc đẩy thị trường
3. Nhóm đòn bẩy kinh tế
4. Nhóm sử dụng khu vực nhà nước
5. Nhóm bảo hiểm và giảm nhẹ nguy cơ tổn thương

1. Nhóm qui định pháp lý

1.1 Qui định khung

1.2 Các quy định kiểm soát trực tiếp

1.1 Qui định khung

- Là những hành lang pháp lý cần thiết mà chính phủ phải xây dựng và bảo vệ nhằm đảm bảo thị trường tự do có thể vận hành ở mức tối - u.
- Ví dụ: Luật về hợp đồng, luật khiếu nại và giải quyết tranh chấp, luật thương mại, luật lao động, luật chống độc quyền... .

1.2 Các quy định kiểm soát trực tiếp

1.2.1 Qui định về giá

1.2.2 Qui định về lượng

1.2.3 Qui định về cung cấp thông tin

1.2.1 Qui định về giá

a. Giá trần

b. Giá sàn

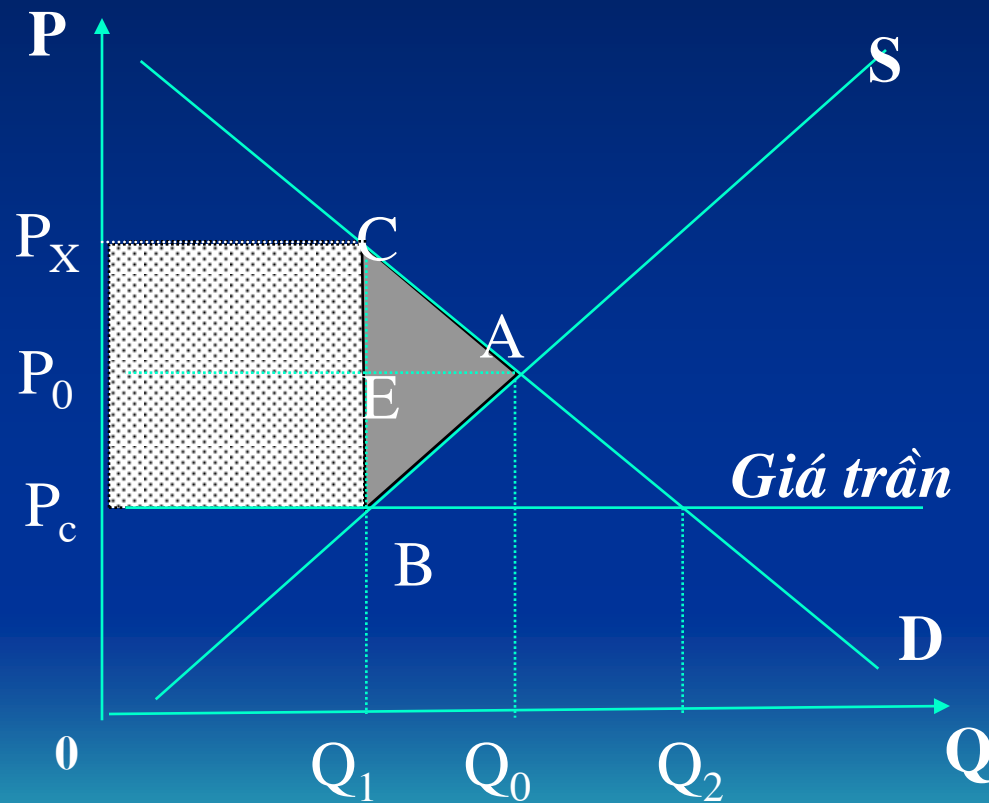
a. Giá trần

- Khái niệm:

Giá trần là mức giá tối đa được phép trao đổi trên thị trường

a. Giá trần

- Mô tả



Hình 6.1: Tác động của giá trần

a. Giá trần

Phân tích:

- Về tính hiệu quả: Phi hiệu quả do gây tổn thất là ABC
- Về tính công bằng: Chưa chắc đã cải thiện thặng dư tiêu dùng

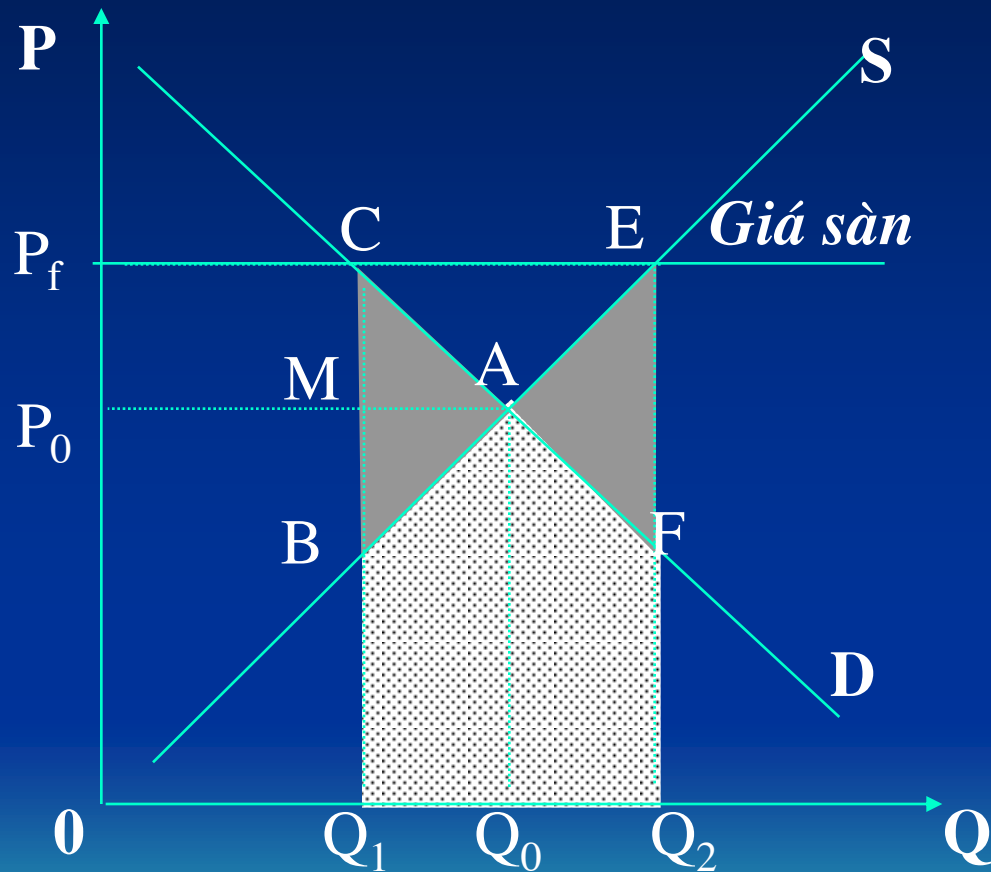
b. Giá sàn

Khái niệm:

- *Giá sàn là mức giá tối thiểu được trao đổi trên thị trường*

b. Giá sàn

- Mô tả



Hình 6.2: Tác động của giá sàn

b. Giá sàn (Giải pháp)

- Kết hợp kiểm soát giá sàn với việc kiểm soát bằng định lượng:

Tổn thất: ABC

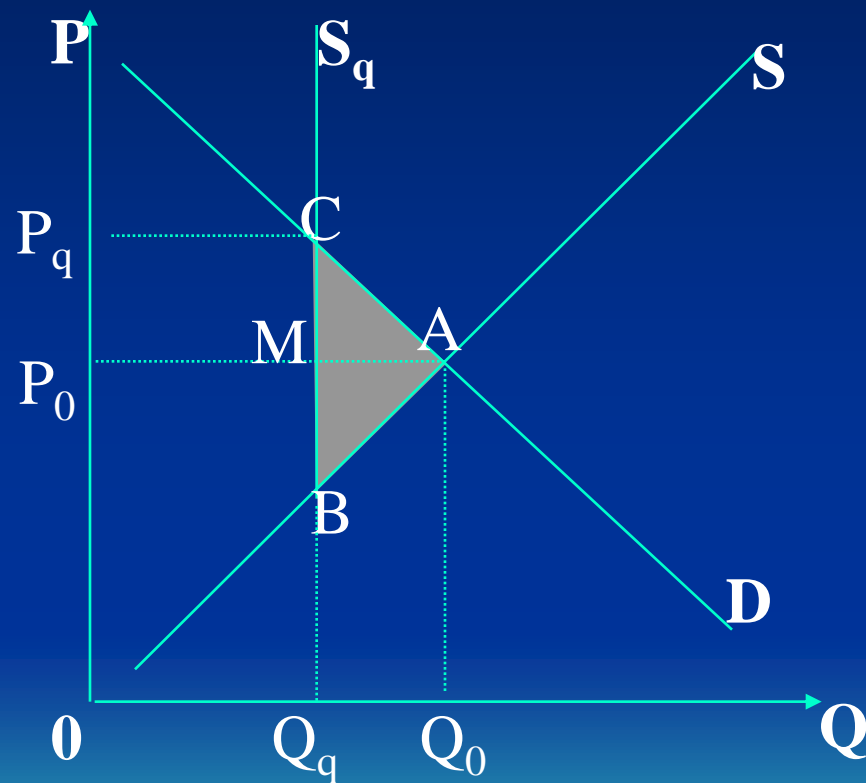
- Chính phủ mua lượng cung trên thị trường ($Q_1 Q_2$) rồi bán lại cho người tiêu dùng:

Tổn thất: AEF

- Chính phủ mua toàn bộ lượng cung rồi tiêu hủy (hoặc viện trợ không hoàn lại cho nước khác:

Tổn thất: CAEQ₂Q₁

1.2.2 Qui định về l□ lượng



Hình 6.3: Tác động của hạn chế về l□ lượng

1.2.3 Qui định về cung cấp thông tin

Cung cấp thông tin trực tiếp:

Các doanh nghiệp đăng tải thông tin về các tính chất liên quan đến chất lượng của sản phẩm.

Qui định tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm

Cung cấp thông tin gián tiếp : Cấp giấy phép hành nghề

Cung cấp thông tin trực tiếp

- Ưu điểm: dễ thực hiện, ít tốn kém
- Nhược: Khó thực hiện nếu thất bại của thị trường là do nhiều nguyên nhân.
- Tiêu chuẩn chất lượng nhiều khi là một trở ngại cho việc phát triển sản phẩm mới.
- Tiêu chuẩn chất lượng có thể bị lạm dụng

Cung cấp thông tin gián tiếp

- Ưu điểm: có thể áp dụng cho dịch vụ
- Nhược: - giấy phép hành nghề không phải là công cụ cung cấp thông tin gián tiếp tốt.
 - kỹ năng chuyên môn gắn với giấy phép dần trở nên lạc hậu.
 - tiêu chuẩn hành nghề quá cao có thể cản trở người nghèo sử dụng dịch vụ
 - Việc cấp giấy phép có thể sẽ là tùy tiện

TRƯỜNG



3. NHÓM CÔNG CỤ CHÍNH SÁCH ĐIỀU

TIẾT BẮNG THUẾ VÀ TRỢ CẤP

3.1 Thuế

3.2 Trợ cấp

3.1Thuế

- Khái niệm:

Thuế là khoản đóng góp bắt buộc của các cá nhân và doanh nghiệp cho NSNN để trang trải chi phí cung cấp HHCC hoặc hạn chế l- ợng cung hàng hoá trên thị tr- ờng.

3.1 Thuế

3.1.1 Thuế đánh vào bên cung

3.1.2 Thuế đánh vào bên cầu

3.1.3. Kết luận

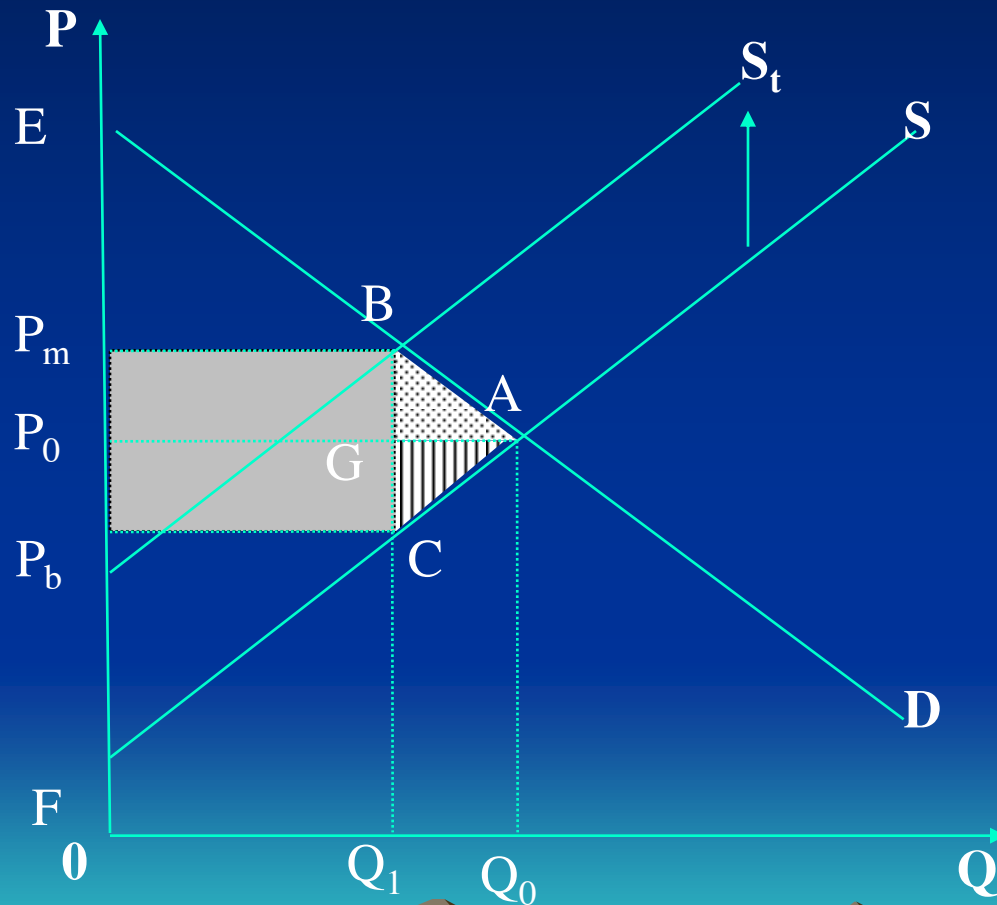
3.1.1 Thuế đánh vào bên cung

- Các loại thuế đánh vào bên cung.
- Phân tích .

Các loại thuế đánh vào bên cung

- *Thuế đầu ra là thuế đánh vào sản lượng do các doanh nghiệp sản xuất ra*
- *Thuế quan là loại thuế đánh vào hàng hoá nhập khẩu*

Phân tích



Hình 6.4: Tác động của thuế bên cung

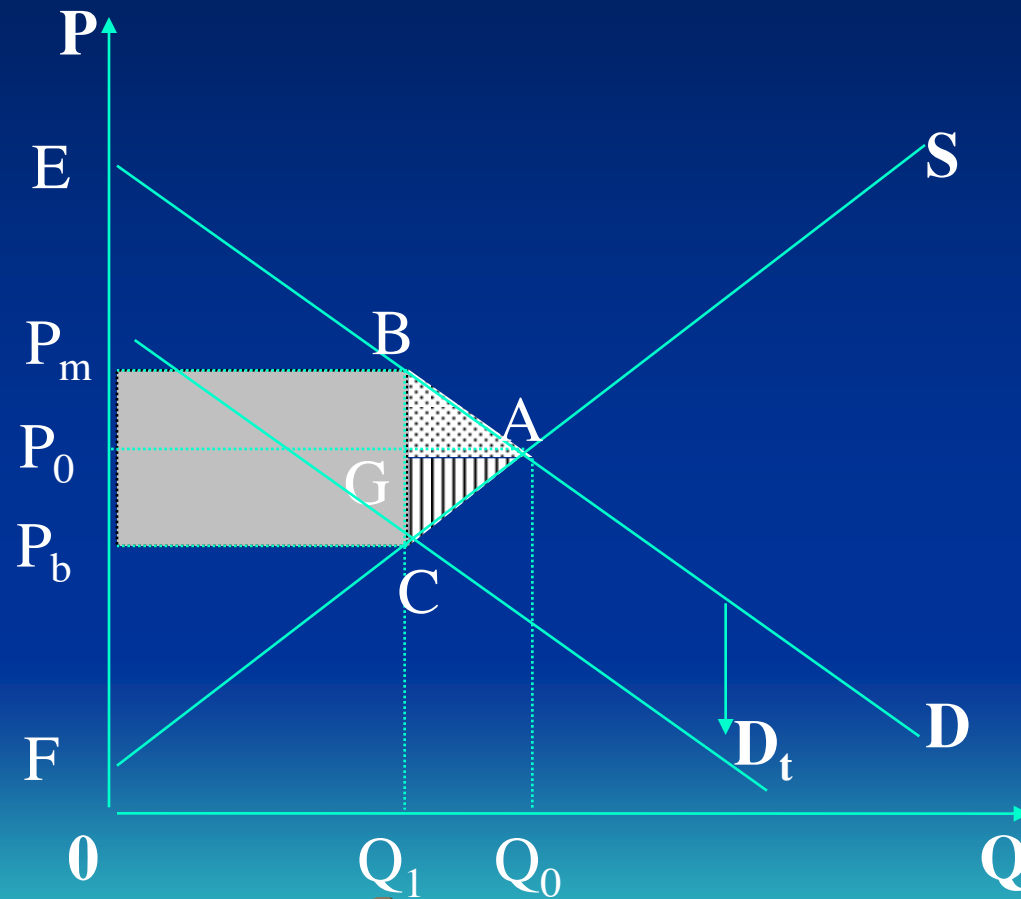
3.1.2 Thuế đánh vào bên cầu

- Các loại thuế đánh vào bên cầu
- Phân tích

Các loại thuế đánh vào bên cầu

- *Thuế tiêu dùng là loại thuế đánh vào việc tiêu dùng hàng hoá và dịch vụ*
- *Phí sử dụng là mức giá mà người sử dụng các hàng hoá và dịch vụ công cộng do chính phủ cung cấp phải trả.*

Phân tích



Hình 6.5: Tác động của thuế bên cầu

3.1.3. Kết luận

- Thuế là một công cụ không hiệu quả vì chúng gây ra tổn thất vô ích về FLXH.
- Cho dù về mặt danh nghĩa là thuế đánh vào bên cung hay bên cầu thì cả người sản xuất và người mua đều phải chịu gánh nặng thuế.
- Việc ai là người chịu thuế nhiều hơn ai phụ thuộc vào độ co giãn của đường cung và đường cầu

Bài tập ứng dụng

- Vẽ hình mô tả gánh nặng thuế của các bên khi có thuế đánh vào bên cung trong các trường hợp sau:
 - a. Đường cung co giãn nhiều, đường cầu co giãn ít
 - b. Đường cung co giãn ít, đường cầu co giãn nhiều
 - c. Đường cung hoàn toàn ko co giãn.
 - d. Đường cung hoàn toàn co giãn.

3.2 Trợ cấp

- *Trợ cấp là chuyển giao của chính phủ tạo ra một khoản đệm giữa giá mà người tiêu dùng trả và chi phí sản xuất khiến cho giá thấp hơn chi phí biên.*

3.2 Trợ cấp

3.2.1 Trợ cấp bên cung

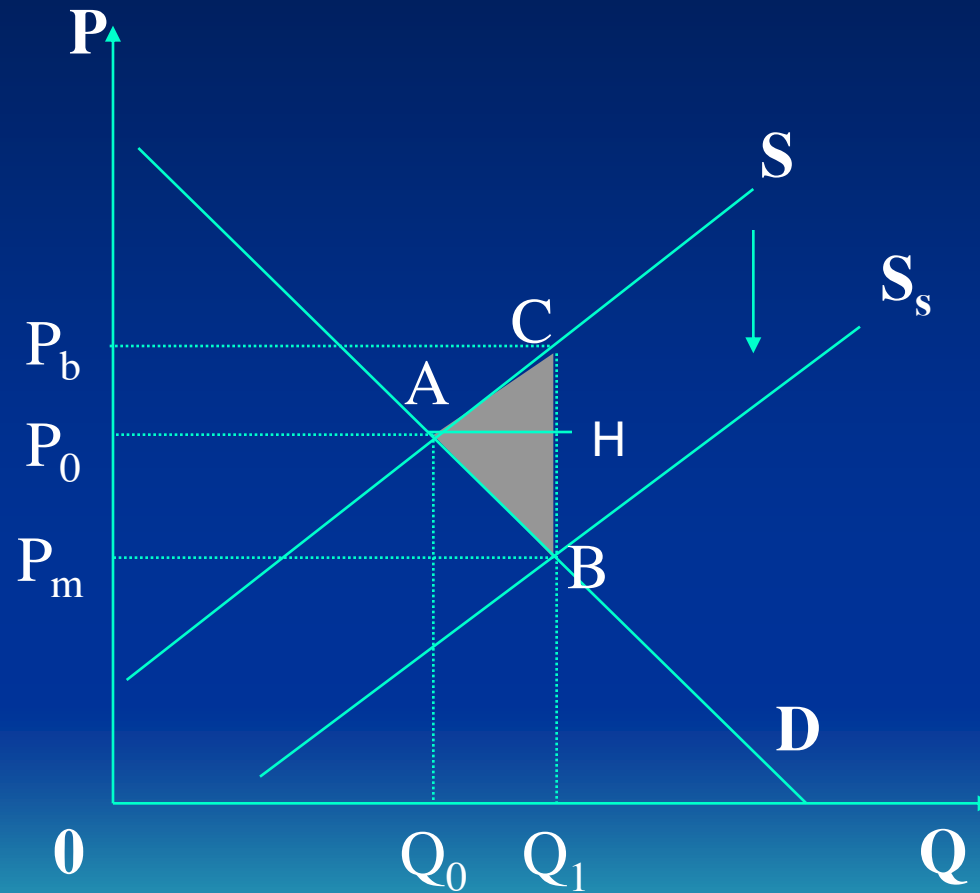
3.2.2 Trợ cấp bên cầu

3.2.3 Kết luận

3.2.1 Trợ cấp bên cung

- Trợ giá hay bù lỗ
- Trợ thuế sản xuất

Mô tả và phân tích

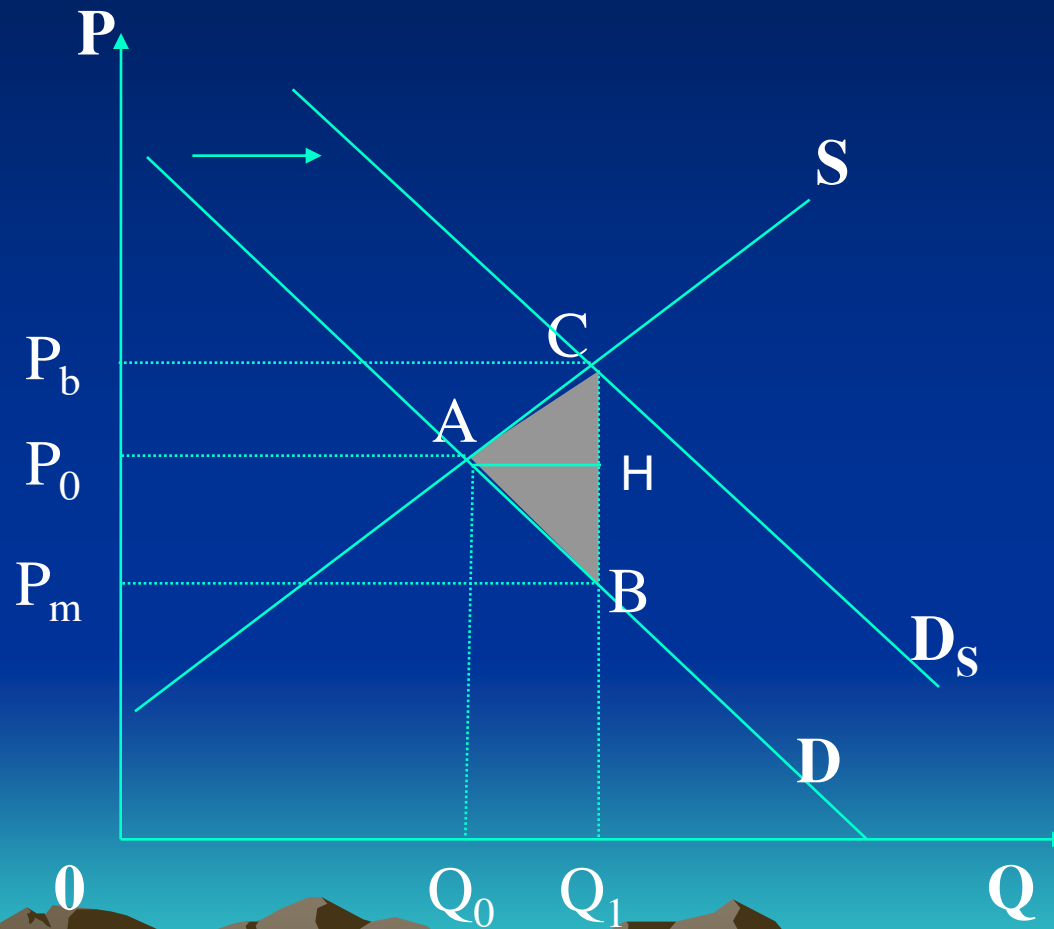


Hình 6.7: Tác động của trợ cấp bên cung

3.2.2 Trợ cấp bên cầu

- Trợ cấp bằng hiện vật
- Tem phiếu
- Trợ thuế tiêu dùng

Mô tả và phân tích



Hình 6.8: Tác động của trợ cấp bên cầu

3.2.3 Kết luận

- Trợ cấp là một công cụ không hiệu quả vì chúng gây ra tổn thất vô ích về FLXH.
- Cho dù về mặt danh nghĩa là trợ cấp cho người sản xuất hay người tiêu dùng thì cả hai đều chia nhau lợi ích của trợ cấp.
- Việc ai là người nhận trợ cấp nhiều hơn ai phụ thuộc vào độ co giãn của đường cung và đường cầu

4. Nhóm công cụ chính sách sử dụng khu vực kinh tế nhà nước tham gia cung ứng hàng hoá dịch vụ

4.1 Chính phủ cung ứng trực tiếp

4.2 Chính phủ cung ứng gián tiếp

4.1 Chính phủ cung ứng trực tiếp

4.1.1. Lý do chính phủ phải trực tiếp cung ứng.

4.1.2 Hình thức cung ứng TT của chính phủ

4.1.1. Lý do chính phủ phải trực tiếp cung ứng.

- Tránh nguy cơ xuất hiện hành vi cơ hội chủ nghĩa.
- Chính phủ phải đảm bảo cung cấp HH cần thiết mà tư nhân không tham gia cung cấp.
- Định hướng phát triển kinh tế của Đảng

4.1.2 Hình thức cung ứng IT của chính phủ

- 4.1.1 Cung ứng trực tiếp qua bộ máy hành chính sự nghiệp.
- 4.1.2 Cung ứng qua các doanh nghiệp nhà nước

4.2 Chính phủ cung ứng gián tiếp

- Cung ứng gián tiếp: CP cấp kinh phí để các DNTN hoặc các tổ chức phi lợi nhuận sản xuất hàng hoá dịch vụ, CP phân phối các hàng hoá dịch vụ đó đến người tiêu dùng.
- Thuê ngoài trực tiếp: Nhà nước ký hợp đồng để các DNTN sản xuất hàng hoá dịch vụ.
- Thuê ngoài gián tiếp : CP ký hợp đồng cung ứng hàng hoá dịch vụ với một tổ chức phi lợi nhuận

5. Nhiệm vụ chính sách và bảo hiểm và giảm nhẹ nguy cơ tổn thương

5.1 Bảo hiểm

5.2. Giảm nhẹ nguy cơ tổn thương

5.1 Bảo hiểm

5.1.1. Các vấn đề của lĩnh vực bảo hiểm

5.1.2. Các công cụ chính sách bảo hiểm

5.1.1. Các vấn đề của lĩnh vực bảo hiểm

- Lựa chọn ng- ợc
- Lợi dụng bảo lãnh, cố ý làm liều
- Hội chứng bên thứ ba trả tiền

Lựa chọn ngược

- Là hiện tượng những người muốn tham gia bảo hiểm là những người có nguy cơ rủi ro cao

Lợi dụng bảo lãnh, cố ý làm liều

- Là hiện tượng những người được bảo hiểm thay đổi hành vi dẫn đến gia tăng nguy cơ phải bồi thường của công ty bảo hiểm

Hội chứng bên thứ ba trả tiền

- Hai bên có liên quan đến bảo hiểm cầu kết hoặc có hành vi gây ra gánh nặng chi trả quá mức cho công ty bảo hiểm

5.1.2. Các công cụ chính sách bảo hiểm

- Bảo hiểm bắt buộc
- Trợ cấp bảo hiểm

5.2 Giảm nhẹ nguy cơ tổn thương

5.2.1 Dự trữ quốc gia

- 5.2.2 Đền bù tạm thời

5.2.3 Trợ cấp khó khăn